TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 24 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**.
Thẩm phán Ông **Lê Thành Tân**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lành**
Ông **Nguyễn Văn Kiên**
Bà **Đặng Thị Hoàng Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký TAND tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1964 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi thường trú: số A đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện nay: số F khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Thợ mộc; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Trương Thị L (chết); vợ Võ Thị Ú (đã ly hôn), có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam - Công an tỉnh V.

Những người tham gia tố tụng tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam – Công an tỉnh V

Người bào chữa cho bị cáo: ông Huỳnh Ngọc C – Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Minh T1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V bào chữa chỉ định cho bị cáo.

Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: bà Võ Thị Hồng N – Kiểm

sát viên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vĩnh T, sinh năm: 1964; Hộ khẩu thường trú: số A đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, là người chạy xe ôm tại khu vực thành phố V.

Khoảng tháng 12/2023 khi chạy xe ôm, T có chở một thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc đi xe người thanh niên này có hỏi hoàn cảnh gia đình của T và xin số điện thoại của T. Đến khoảng 03 ngày sau người thanh niên này dùng điện thoại số 0566887826 điện vào số điện thoại của T là 0778151407 và kêu T đi vận chuyể ma túy cho người thanh niên này, mỗi lần vận chuyển ma tuý xong người thanh niên này sẽ trả cho T tiền công là 2.000.000đ. Do cần tiền tiêu xài nên T đồng ý. Cách thức vận chuyển ma túy T và người thanh niên thỏa thuận như sau:

Người thanh niên điện thoại cho T đến khu vực vòng xoay T - thành phố V nhận 01 bịt ma túy từ người thanh niên này đưa, sau đó T vận chuyển bịt ma túy này đến thị xã B để giao cho người nhận. Khi đến thị xã B T điện thoại cho người thanh niên này và ngồi đợi, người thanh niên này điện thoại cho người đến gặp T để nhận ma túy và đưa tiền cho T. Khi nhận tiền xong, T đem tiền về giao lại cho người thanh niên này và người này trả tiền công cho T 2.000.000đ. Từ khi đồng ý vận chuyển ma túy cho người thanh niên này đến ngày 01/01/2024 T đã vận chuyển 04 lần, mỗi lần được trả công 2.000.000đ.

Đến khoảng 13 giờ ngày 02/01/2024 T đang uống cà phê tại phường A - thành phố V thì người thanh niên này điện cho T kêu đi giao ma túy ở thị xã B,T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 64B1: 501.56 đến điểm hẹn tại vòng xoay T - thành phố V gặp người thanh niên đến giao cho T bịt nylon màu đỏ bên trong có chứa chất ma túy, để T vận chuyển đến thị xã B giao như những lần trước. T nhận bịt ma túy xong, trên đường đi giao ma túy đến khu vực ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Căn cứ kết luận giám định số: 06/KL-KTHS ngày 06/01/2024 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh V, mẩu chất rắn màu trắng thu giử khi bắt quả tang là ma túy có khối lượng 74,0741 gam, loại: Heroin**.**

Quá trình điều tra, Nguyễn Vĩnh T thừa nhận hành vi phạm tội. Đối với người thanh niên thuê T vận chuyển ma túy và người nhận ma túy của T giao,

không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, và chưa làm việc được, nên khi nào cơ quan chức năng làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với xe mô tô đang tạm giữ, do T điều khiển vận chuyển ma túy, T khai nhận là xe của T mua vào tháng 11/2023 với giá 8.500.000đ chưa làm giấy tờ sang tên. Qua xác minh xe này mua bán qua nhiều chủ nhưng chưa sang tên, đến người mua cuối là anh Phạm Thanh S1 – sinh năm: 1964, ngụ: 1 Xóm C, phường B, thành phố V, anh S1 bán lại cho T sử dụng.

Tang vật đang tạm giữ:

- 01 bao thư chứa chất ma túy được niêm phong ký hiệu số: 06/01ngày 06/01/2024 (mẫu vật hoàn lại sau giám định);

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, trắng sử dụng sim số: 0778151407 đã qua sử dụng;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biên số 64B1: 501.56;

- 01 xe mô tô biển số 64B1: 501.56

- 01 giấy CMND tên Nguyễn Vĩnh T;

- T4 đang lưu hành : 335.000đ

Tại cáo trạng số: 28/CT-VKS-P1 ngày 11/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Vĩnh T về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo T trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân hậu quả mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩnh T phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh T mức án từ 15 năm đến 17 năm tù

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) bao thư niêm phong số: 06/01 ngày 06/01/2024 bên giao Nguyễn Thành T2, bên nhận Hồ Minh T3 mẫu vật hoàn lại sau giám định (bên trong gồm: Mẫu chất rắn màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng: 73,2566 gam và V bao gói gồm: gói niêm phong, bịch nylon màu đỏ, bịch nylon trong suốt) theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 06/01/2024);

- Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Vĩnh T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Vĩnh T;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, trắng sử dụng sim số 0778151407 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-501.56;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-501.56 (xe đã qua sử dụng, không gương chiếu hậu bên phải).

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 335.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Luật sư Huỳnh Ngọc C bào chữa cho bị cáo phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Vĩnh T khai nhận: Vào ngày 02/01/2024 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64B1: 501.56 đến vòng xoay phường T - thành phố V gặp 01 thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ), bị cáo nhận của người thanh niên này 01 bịch nylon bên trong chứa chất ma túy để vận chuyển đến thị xã B theo yêu cầu của thanh niên này và bị cáo sẽ được trả công là 2.000.000đ. Khi bị cáo vận chuyển bịch ma túy đến địa phận ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt quả tang, với khối lượng ma túy được giám định là 74,0741 gam, loại: Heroin. Ngoài ra, trước đó bị cáo cũng nhận vận chuyển ma túy cho người thanh niên này từ vòng xoay T thành phố V đến thị xã B 3 lần với tiền công mỗi lần là 2.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết

luận giám định, cùng những chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đủ căn cứ để quy kết bị cáo phạm vào tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 11/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố hành vi của bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền của Nhà nước trong quản lý chất ma túy; đồng thời còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo chỉ vì lợi ích cá nhân của mình mà bị cáo nhận vận chuyển trái phép chất ma túy cho đối tượng có hành vi mua bán ma túy. Hành vi của bị cáo còn đáng lên án hơn khi bị cáo biết rõ ma túy là một loại chất độc nguy hiểm có khả năng tàn phá sức sống, nguồn lực của một bộ phận thanh thiếu niên, làm gia tăng tỷ lệ người nghiện ma túy cho xã hội, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Do đó, đối với bị cáo cần có hình phạt thật nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành người hữu ích và nhằm ngăn chặn, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng:

Xét thấy trong quá trình điều tra có thu giữ những vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu hủy bỏ bao gồm: 01 (một) bao thư niêm phong số: 06/01 ngày 06/01/2024 bên giao Nguyễn Thành T2, bên nhận Hồ Minh T3 mẫu vật hoàn lại sau giám định (bên trong gồm: Mẫu chất rắn màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng: 73,2566 gam và Vỏ bao gói gồm: gói niêm phong, bịch nylon màu đỏ, bịch nylon trong suốt) theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 06/01/2024);

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Vĩnh T.

Các tài sản khác của bị cáo dùng làm công cụ, phiên tiện phạm tội thì tịch thu suy quỹ nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, trắng sử dụng sim số 0778151407 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-501.56;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-501.56 (xe đã qua sử dụng, không gương chiếu hậu bên phải).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh V và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Đối với số tiền 335.000 đồng giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận

[8] Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận như đã nhận định trên.

[9] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩnh T phạm tội*: "Vận chuyển trái phép chất ma túy"*

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vĩnh T 15** ***(Mười lăm)*** **năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2024.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao thư niêm phong số: 06/01 ngày 06/01/2024 bên giao Nguyễn Thành T2, bên nhận Hồ Minh T3 mẫu vật hoàn lại sau giám định (bên trong gồm: Mẫu chất rắn màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng: 73,2566 gam và V bao gói gồm: gói niêm phong, bịch nylon màu đỏ, bịch nylon trong suốt) theo biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 06/01/2024);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vĩnh T 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Vĩnh T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam, trắng sử dụng sim số 0778151407 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64B1-501.56;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64B1-501.56 (xe đã qua sử dụng, không gương chiếu hậu bên phải).

- Số tiền 335.000 đồng *(Ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh V và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Nguyễn Vĩnh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- VP CQCSĐT CATVL: 01;
- PHÒNG HS CATVL: 01;
- CỤC THADS TVL: 01;
- SỞ TƯ PHÁP: 01;
- THAHS CATVL: 01;
- TTG, BỊ CÁO: 02;
- UBND PHƯỜNG 1: 01;
- PKTNV + THCTP: 02;
- BNC: 01;
- LƯU: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lâm Văn Năm